

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

**Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
đã được soát xét**



NỘI DUNG

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-28
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-28

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011 và Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Phúc Long	Chủ tịch
Ông Lê Ngọc Quang	Phó Chủ tịch
Ông Lê Thành Công	Phó Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Lâm	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Biều	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Biều	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thái Hưng	Quyền Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Thanh	Quyền Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Khương Tất Thành	Trưởng ban
Bà Hồ Thị Hiền	Ủy viên
Ông Trần Hải Văn	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Xuân Biểu

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2012



Số: 955/2012/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam được lập ngày 27 tháng 07 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0285/KTV

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2012

Vũ Xuân Biên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0743/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		241.810.954.665	336.146.514.948
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	4.142.921.915	11.262.900.871
111	1. Tiền		4.142.921.915	11.262.900.871
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	103.167.243.199	106.663.086.095
121	1. Đầu tư ngắn hạn		129.782.864.726	172.783.149.138
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(26.615.621.527)	(66.120.063.043)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		127.549.269.610	211.747.213.442
131	1. Phải thu của khách hàng		99.500.000	36.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		1.031.145.978	1.356.806.378
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	2.939.596.887	2.424.191.552
138	5. Các khoản phải thu khác	7	166.978.190.139	207.930.215.512
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(43.499.163.394)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.951.519.941	6.473.314.540
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		344.124.603	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		26.479.723	25.496.382
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	117.835.909	124.047.699
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	6.463.079.706	6.323.770.459
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.144.013.472	12.826.664.326
220	II. Tài sản cố định		7.916.501.534	9.092.761.370
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	5.969.447.379	6.906.915.515
222	- Nguyên giá		12.093.120.842	12.093.120.842
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.123.673.463)	(5.186.205.327)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	1.947.054.155	2.185.845.855
228	- Nguyên giá		3.344.764.277	3.344.764.277
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.397.710.122)	(1.158.918.422)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	15.000.000	15.000.000
258	4. Đầu tư dài hạn khác		15.000.000	15.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.212.511.938	3.718.902.956
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	518.588.212	1.244.088.999
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	2.693.923.726	2.474.813.957
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		252.954.968.137	348.973.179.274

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		38.447.759.181	68.342.521.634
310	I. Nợ ngắn hạn		38.447.759.181	68.342.521.634
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	31.927.128.147	48.328.538.874
312	2. Phải trả người bán		4.653.000	653.233.000
313	3. Người mua trả tiền trước		65.000.000	107.023.276
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	17.811.480	69.262.048
315	5. Phải trả người lao động		316.786.059	451.211.711
316	6. Chi phí phải trả	17	1.221.742.812	2.389.902.063
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	4.356.848.112	15.844.512.091
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	497.000.000	497.000.000
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		40.789.571	1.838.571
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		214.507.208.956	280.630.657.640
410	I. Vốn chủ sở hữu		214.507.208.956	280.630.657.640
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20	341.333.000.000	341.333.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		14.625.850.000	14.625.850.000
414	4. Cổ phiếu quỹ		(10.400.000)	(10.400.000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.813.981.917	1.813.981.917
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.813.981.917	1.813.981.917
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(145.069.204.878)	(78.945.756.194)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		252.954.968.137	348.973.179.274

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
005	5. Ngoại tệ các loại		2.804,33	192,12
006	6. Chứng khoán lưu ký		402.605.750.000	480.102.640.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		402.605.750.000	469.259.040.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		3.550.700.000	455.700.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		309.055.050.000	378.803.340.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		90.000.000.000	90.000.000.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		-	7.272.800.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		-	7.272.800.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		-	3.570.800.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		-	3.570.800.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		1.462.420.000	1.560.720.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		1.462.420.000	1.560.720.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		1.462.420.000	1.560.720.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		22.900.000.000	61.280.868.326



Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 27 tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu	21	4.540.500.216	33.121.256.799
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		1.158.117.901	2.814.213.418
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		75.948.980	290.753.004
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		171.818.182	218.181.817
01.9	Doanh thu khác		3.134.615.153	29.798.108.560
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		4.540.500.216	33.121.256.799
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	22	63.472.108.227	54.661.998.181
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(58.931.608.011)	(21.540.741.382)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	7.098.863.949	11.432.862.082
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(66.030.471.960)	(32.973.603.464)
31	8. Thu nhập khác		27.023.276	57.518.809
32	9. Chi phí khác		120.000.000	184.969.551
40	10. Lợi nhuận khác		(92.976.724)	(127.450.742)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(66.123.448.684)	(33.101.054.206)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(66.123.448.684)</u>	<u>(33.101.054.206)</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	(1.937)	(970)

[Signature]



Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Biểu
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 27 tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(66.123.448.684)	(33.101.054.206)
02	Khấu hao tài sản cố định		1.176.259.836	996.804.430
03	Các khoản dự phòng		3.994.721.878	22.812.788.004
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		20.366.445.050	(29.680.314.236)
06	Chi phí lãi vay		4.148.194.352	15.891.815.370
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(36.437.827.568)	(23.079.960.638)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		41.647.719.061	102.413.519.138
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		22.286.868.326	(10.169.621.108)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(12.044.414.482)	(76.330.838.367)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		381.376.184	1.145.912.078
13	Tiền lãi vay đã trả		(5.597.131.596)	(15.763.011.516)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(1.505.858.894)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(234.109.769)	(1.424.872.758)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		10.002.480.156	(24.714.732.065)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(417.700.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	56.021.273
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(74.384.524.084)	(33.483.334.719)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		71.520.930.987	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.142.544.712	17.212.758.115
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(721.048.385)	(16.632.255.331)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.870.009.506	36.245.867.809
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(20.271.420.233)	(48.004.430.555)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(16.401.410.727)	(11.758.562.746)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(7.119.978.956)	(53.105.550.142)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		11.262.900.871	89.123.918.439
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	4.142.921.915	36.018.368.297



Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 27 tháng 07 năm 2012

105-C
CÔNG TY
HIỆM HỮU
VỤ TỰ V
NH KẾ TOÁ
EM TOÁ
KIỂM-T

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		341.333.000.000	-	-	341.333.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		14.625.850.000	-	-	14.625.850.000
Cổ phiếu quỹ		(10.400.000)	-	-	(10.400.000)
Quỹ đầu tư phát triển		1.813.981.917	-	-	1.813.981.917
Quỹ dự phòng tài chính		1.813.981.917	-	-	1.813.981.917
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(78.945.756.194)	(66.123.448.684)	-	(145.069.204.878)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		280.630.657.640	(66.123.448.684)	-	214.507.208.956

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		341.333.000.000	-	-	341.333.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		14.625.850.000	-	-	14.625.850.000
Cổ phiếu quỹ		(10.400.000)	-	-	(10.400.000)
Quỹ đầu tư phát triển		816.709.047	997.272.870	-	1.813.981.917
Quỹ dự phòng tài chính		816.709.047	997.272.870	-	1.813.981.917
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.373.384.059	(33.101.054.206)	(3.036.364.036)	(15.764.034.183)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		377.955.252.153	(33.106.508.466)	(3.036.364.036)	343.812.379.651

[Handwritten signature]



Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Biểu
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 27 tháng 07 năm 2012



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011 và Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 341.333.000.000 đồng; tương đương 34.133.300 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	Villa số 3, số 2BIS Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2011
CÔNG
RÁCH NH
DỊCH VI
TÀI CHÍNH
KIẾT
DÁN KI

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.



Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Cơ sở trích lập dự phòng: Đối với chứng khoán đã niêm yết là giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán; tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng. Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

011
CÔNG
CH NH
CH V
CHÍNH
KIỂM
T/KH

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 căn cứ trên Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2012. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm 2011 VND	Số liệu điều chỉnh VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Các khoản phải trả phải nộp khác	319	32.911.162.091	15.844.512.091	(17.066.650.000)	(1)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(96.012.406.194)	(78.945.756.194)	17.066.650.000	(1)

(1) Trong năm 2011, Công ty thực hiện ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và tăng khoản phải trả cổ tức năm 2010 cho nhà đầu tư 17.066.650.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/2011/NQ-ĐHCD ngày 17/04/2011. Tuy nhiên, do không có nguồn để thực hiện chi trả nên Hội đồng quản trị Công ty đã trình và được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc không chi trả cổ tức năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2012/NQ-ĐHCD ngày 22/04/2012.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ VND
Của Công ty Chứng khoán	10.000	29.000.000
- Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ	10.000	29.000.000
Của người đầu tư	83.175	575.692.243.400
- Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ	83.175	575.692.243.400
	93.175	575.721.243.400

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền	4.142.921.915	11.262.900.871
- Tiền mặt tại quỹ	126.332.269	1.124.729.335
- Tiền gửi ngân hàng	156.358.358	1.159.594.878
- Tiền đang chuyển	-	2
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	1.363.211.320	4.594.646.831
- Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	3.441	3.399
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2.497.016.527	4.383.926.426
	4.142.921.915	11.262.900.871

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	45.593.189.643	67.880.057.969
- Chứng khoán niêm yết	6.628.189.643	6.599.189.643
- Chứng khoán chưa niêm yết	38.965.000.000	61.280.868.326
Đầu tư ngắn hạn khác	84.189.675.083	104.903.091.169
- Ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần VICS INVEST	66.772.215.083	98.653.091.169
+ Ủy thác cho VICS INVEST thực hiện việc quản lý danh mục đầu tư chứng khoán niêm yết	37.278.999.999	69.160.459.169
+ Ủy thác khác cho VICS INVEST	29.493.215.084	29.492.632.000
- Đặt cọc và cho vay thực hiện dự án COMA TOWER	6.250.000.000	6.250.000.000
- Ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Quản lý Kinh doanh Bất động sản Thăng Long	11.167.460.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(26.615.621.527)	(66.120.063.043)
- Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào VICS INVEST	(20.218.201.884)	(53.422.824.735)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán niêm yết	(5.164.419.643)	(5.121.064.643)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán chưa niêm yết	(1.233.000.000)	(7.576.173.665)
	103.167.243.199	106.663.086.095

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMTầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

6 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu tiền vay tạm ứng bán chứng khoán	1.439.596.887	924.165.000
Phải thu tiền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.500.000.000	1.500.000.000
Phải thu thành viên khác	-	26.552
	2.939.596.887	2.424.191.552

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm y tế	-	262.571
Phải thu hoạt động hợp tác kinh doanh với nhà đầu tư (1)	154.430.132.010	197.073.755.968
Lãi dự thu	10.677.043.776	9.609.024.355
Thù lao và các khoản chi hộ cho Hội đồng quản trị	384.800.000	245.300.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi quá	752.159.972	476.002.972
Phải thu khác	734.054.381	525.869.646
	166.978.190.139	207.930.215.512

(1) Tại thời điểm 30/06/2012, số dư các khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh với nhóm các nhà đầu tư đã cao hơn thị giá chứng khoán và số dư tiền trong tài khoản của nhóm nhà đầu tư với số tiền 124,64 tỷ đồng. Nhóm các nhà đầu tư này đã cung cấp cho Công ty tài sản đảm bảo bổ sung với tổng giá trị 173,76 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- + Giá trị tài sản đảm bảo 50,46 tỷ đồng: bao gồm 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị Tuyết, ông Lê Trung Dũng và ông Nguyễn Văn Bảy theo các Biên bản làm việc, Hợp đồng bảo lãnh ký giữa các ông/bà này và Công ty. Giá trị tài sản đảm bảo được xác định theo đánh giá của các bên.
- + Giá trị tài sản đảm bảo 112,25 tỷ đồng: bao gồm các sổ cổ đông các cổ phiếu chưa niêm yết của nhóm nhà đầu tư theo các Biên bản làm việc giữa nhóm nhà đầu tư và Công ty. Giá trị tài sản đảm bảo được xác định theo giá thị trường và đánh giá của các bên.
- + Giá trị tài sản đảm bảo 11,05 tỷ đồng: bao gồm các cổ phiếu niêm yết trong tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại Công ty và công ty chứng khoán khác của nhóm nhà đầu tư theo Biên bản làm việc giữa nhóm nhà đầu tư và Công ty. Giá trị tài sản đảm bảo được xác định theo giá thị trường của cổ phiếu niêm yết tại ngày 30/06/2012.

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	6.211.790
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	117.835.909	117.835.909
	117.835.909	124.047.699

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	3.621.668.259	3.497.359.012
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.841.411.447	2.826.411.447
	6.463.079.706	6.323.770.459

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	1.101.857.877	4.310.897.380	6.680.365.585	12.093.120.842
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.101.857.877	4.310.897.380	6.680.365.585	12.093.120.842
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	488.436.888	1.779.272.070	2.918.496.369	5.186.205.327
Số tăng trong kỳ	71.403.900	315.541.296	550.522.940	937.468.136
- Trích khấu hao	71.403.900	315.541.296	550.522.940	937.468.136
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	559.840.788	2.094.813.366	3.469.019.309	6.123.673.463
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu kỳ	613.420.989	2.531.625.310	3.761.869.216	6.906.915.515
Số dư cuối kỳ	542.017.089	2.216.084.014	3.211.346.276	5.969.447.379

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	3.344.764.277
Số tăng trong kỳ	-
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	3.344.764.277
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	1.158.918.422
Số tăng trong kỳ	238.791.700
- Trích khấu hao	238.791.700
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	1.397.710.122
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu kỳ	2.185.845.855
Số dư cuối kỳ	1.947.054.155

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	15.000.000	15.000.000
	15.000.000	15.000.000

Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Góp vốn Công ty Cổ phần VICS INVEST	15.000.000	15.000.000
	15.000.000	15.000.000

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.244.088.999	5.224.042.804
Số tăng trong kỳ	39.497.800	45.432.900
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(764.998.587)	(3.146.264.355)
Số dư cuối kỳ	518.588.212	2.123.211.349

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	59.417.220	340.012.148
Chi phí thuê văn phòng	-	115.436.735
Chi phí trả trước dài hạn khác	459.170.992	788.640.116
	518.588.212	1.244.088.999

14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	2.474.813.957	1.050.690.689
Tiền nộp bổ sung	13.210.541	1.386.767.655
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	205.899.228	37.355.613
Số dư cuối kỳ	2.693.923.726	2.474.813.957

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	31.927.128.147	48.328.538.874
- Vay đối tượng khác	31.927.128.147	48.328.538.874
	31.927.128.147	48.328.538.874

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMTầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Chi tiết các khoản vay:	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty TNHH Nhà nước MTV đầu tư và PTNN Hà Nội ⁽¹⁾	31.162.937.425	34.543.333.335
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long ⁽²⁾	764.190.722	2.789.101.557
Công ty Cổ phần Tài nguyên Khoáng sản và BĐS Thăng Long	-	7.996.103.982
Bà Nguyễn Thị Khiển	-	3.000.000.000
	31.927.128.147	48.328.538.874

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Vay Công ty TNHH Nhà nước MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội theo 02 hợp đồng vay sau:

1.1 Hợp đồng vay tiền số 54/HĐVT/VICS ngày 17/11/2010, phụ lục ngày 17/05/2011 với nội dung như sau:

- + Số tiền vay: 25.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 03 tháng (tự động gia hạn khi đáo hạn);
- + Lãi suất vay: 14%/năm
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc đến 30/06/2012: 25.000.000.000 đồng.

1.2 Phụ lục hợp đồng vay số 13062011/PLHĐVT/VICS ngày 13/06/2011 với các nội dung như sau:

- + Số tiền vay: 9.543.333.335 đồng;
- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 03 tháng (tự động gia hạn khi đáo hạn);
- + Lãi suất vay: 14%/năm
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc đến 30/06/2012: 6.162.937.425 đồng.

(2) Hợp đồng vay tiền số 246/HĐVT/TIG-VICS với các nội dung như sau:

- + Số tiền vay: 2.200.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 01 tháng (tự động gia hạn khi đáo hạn);
- + Lãi suất vay: 21%/năm
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc đến 30/06/2012: 764.190.722 đồng.

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	7.640.300	-
Thuế Thu nhập cá nhân	10.171.180	69.262.048
	17.811.480	69.262.048

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí giao dịch phải trả các phòng giao dịch và sở giao dịch	316.095.666	272.231.410
Chi phí lãi vay phải trả	547.971.924	1.996.909.168
Chi phí phải trả khác	357.675.222	120.761.485
	1.221.742.812	2.389.902.063

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	3.598.540	598.540
Kinh phí công đoàn	120.649.205	109.134.691
Bảo hiểm xã hội	49.138.200	24.868.053
Bảo hiểm y tế	1	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.858.759.577	8.977.633.559
Phải trả theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	5.000.000.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	104.625.000	104.625.000
Vay ngắn hạn bà Đoàn Thị Hằng, Phạm Giang Nam	-	1.480.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	220.077.589	147.652.248
	4.356.848.112	15.844.512.091

19 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	497.000.000	497.000.000
	497.000.000	497.000.000

20 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	341.333.000.000	341.333.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	341.333.000.000	341.333.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	341.333.000.000	341.333.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	17.066.650.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	17.066.650.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

b) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.133.300	34.133.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.133.300	34.133.300
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34.133.300	34.133.300
Số lượng cổ phiếu được mua lại	500	500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	500	500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.132.800	34.132.800
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34.132.800	34.132.800
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	4.540.500.216	33.121.256.799
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.158.117.901	2.814.213.418
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	75.948.980	290.753.004
- Doanh thu hoạt động tư vấn	171.818.182	218.181.817
- Doanh thu khác	3.134.615.153	29.798.108.560
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	4.540.500.216	33.121.256.799

22 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	403.705.730	1.263.224.750
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	52.865.723.769	10.999.042.094
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	113.641.490	237.671.127
Chi phí dự phòng	3.994.721.878	22.812.788.004
Chi phí vốn kinh doanh	4.148.194.352	16.098.562.078
Chi phí trực tiếp chung	1.946.121.008	3.250.710.128
- <i>Chi phí nhân viên</i>	634.218.852	1.509.936.148
- <i>Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ</i>	11.918.757	186.445.159
- <i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	290.443.536	244.779.012
- <i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	639.192.098	976.063.576
- <i>Chi phí khác bằng tiền</i>	370.347.765	333.486.233
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	63.472.108.227	54.661.998.181

1105-
NG TY
HIỆM HỮU
VỤ TỬ
NH KẾ TO
EM TOA
KIỂM T

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.901.322.829	2.730.064.460
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	288.310.173	1.036.329.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	885.816.300	752.025.418
Thuế, phí và lệ phí	4.068.000	109.058.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.478.844.423	4.728.436.010
Chi phí khác bằng tiền	540.502.224	2.076.948.669
	7.098.863.949	11.432.862.082

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(66.123.448.684)	(33.101.054.206)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(290.753.004)
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(290.753.004)
Tổng lợi nhuận chịu thuế	(66.123.448.684)	(33.391.807.210)
Chuyển lỗ năm trước	(96.282.776.217)	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	(162.406.224.901)	(33.391.807.210)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(117.835.909)	1.388.022.985
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(1.505.858.894)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	(117.835.909)	(117.835.909)

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(66.123.448.684)	(33.101.054.206)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(66.123.448.684)	(33.101.054.206)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	34.132.800	34.132.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.937)	(970)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản trương đương tiền	4.142.921.915	-	11.262.900.871	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	170.017.287.026	(43.499.163.394)	210.390.407.064	-
Đầu tư ngắn hạn	129.782.864.726	(26.615.621.527)	172.783.149.138	(66.120.063.043)
Đầu tư dài hạn	15.000.000	-	15.000.000	-
Cộng	303.958.073.667	(70.114.784.921)	394.451.457.073	(66.120.063.043)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	31.927.128.147	48.328.538.874
Phải trả người bán, phải trả khác	4.858.501.112	16.994.745.091
Chi phí phải trả	1.221.742.812	2.389.902.063
	38.007.372.071	67.713.186.028

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMTầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2012				
Vay và nợ	31.927.128.147	-	-	31.927.128.147
Phải trả người bán, phải trả khác	4.858.501.112	-	-	4.858.501.112
Chi phí phải trả	1.221.742.812	-	-	1.221.742.812
Cộng	38.007.372.071	-	-	38.007.372.071
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ	48.328.538.874	-	-	48.328.538.874
Phải trả người bán, phải trả khác	16.994.745.091	-	-	16.994.745.091
Chi phí phải trả	2.389.902.063	-	-	2.389.902.063
Cộng	67.713.186.028	-	-	67.713.186.028

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	Hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.158.117.901	75.948.980	3.306.433.335	4.540.500.216	-	4.540.500.216
Chi phí trực tiếp	403.705.730	52.865.723.769	10.202.678.728	63.472.108.227	-	63.472.108.227
Chi phí phân bổ	-	-	-	7.191.840.673	-	7.191.840.673
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	754.412.171	(52.789.774.789)	(6.896.245.393)	(66.123.448.684)	-	(66.123.448.684)
Tài sản bộ phận	126.418.623.632	103.182.243.199	-	229.600.866.831	-	229.600.866.831
Tài sản không phân bổ	-	-	-	23.354.101.306	-	23.354.101.306
Tổng tài sản				252.954.968.137	-	252.954.968.137
Nợ phải trả của các bộ phận	537.789.571	-	-	537.789.571	-	537.789.571
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	37.909.969.610	-	37.909.969.610
Tổng nợ phải trả				38.447.759.181	-	38.447.759.181

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Từ 01/01/2012
đến 30/06/2012

VND

Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc

- Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác

623.352.202

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, các báo cáo này đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.



Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 27 tháng 07 năm 2012

